

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: **106** /2025/DS-ST

Ngày: 17 - 12 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thái.

2. Ông Lữ Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 729/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 822/2025/QĐST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C, mã số doanh nghiệp: 0100695387, địa chỉ: Số A, phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Bảo D, sinh năm: 1984, căn cước công dân số: 060084007720, chức vụ: Giám đốc Phòng C.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Trúc M, sinh ngày: 20/8/1985, căn cước công dân số: 060185003078, và ông Lê Tuấn H, sinh ngày: 29/12/1983, căn cước công dân số: 060083011053, cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng C, và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 07/3/2023, bà Huỳnh Thị Trúc M, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tuấn H, là chồng của bà M, theo giấy ủy quyền lập cùng ngày, ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay nước sạch và nhà vệ sinh môi trường nông thôn, để vay số tiền 20 triệu đồng, trong đó sửa chữa nhà vệ sinh là 10 triệu đồng, sửa chữa công trình nước sạch là 10 triệu đồng, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần. Ngày 07/3/2023, Ngân hàng C phê duyệt chấp thuận đề nghị của bà M. Ngày 12/3/2023, Ngân hàng thực hiện giải ngân số tiền cho bà M bằng hình thức giao tiền mặt, ấn định lãi suất 09%/năm, số tiền gốc mỗi kỳ phải trả là 02 triệu đồng.

Ngày 09/5/2022, bà Huỳnh Thị Trúc M và Ngân hàng C ký giao kết hợp đồng tín dụng số 6600000723072586/2022/HĐ-TD, theo đó Ngân hàng cho bà M vay số tiền là 50 triệu đồng, mục đích vay là chăm sóc cây thanh long nhằm mục tiêu hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 01 người, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm, thời hạn thanh toán nợ gốc là 06 tháng/lần bắt đầu từ kỳ đầu tiên vào ngày 12/11/2022, mỗi lần thanh toán 05 triệu đồng, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân toàn bộ số tiền này cho bà M dưới hình thức giao tiền mặt vào ngày 12/5/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do bà M và ông Huỳnh vi P nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, chính vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, lợi ích của Nhà nước, Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H phải trả cho Ngân hàng C số tiền tính đến ngày 17/12/2025 là 70.861.815 đồng, trong đó nợ gốc là 64.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.861.815 đồng, kể từ ngày tiếp theo

của ngày xét xử sơ thẩm, bà M và ông H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận, tương ứng với thời gian chậm trả.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có cơ sở để chấp nhận, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay nước sạch và nhà vệ sinh môi trường nông thôn, và hợp đồng tín dụng đã ký nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H có nơi cư trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thị xã La Gi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H đã được tòa án tổng đạt hợp lệ

các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vẫn mặt không rõ lý do, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lâm Bảo D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[3] Ngày 09/5/2022, tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội thị xã C (Nay là Phòng C) bà Huỳnh Thị Trúc M và Ngân hàng C giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000723072586/2022/HĐ-TD, theo đó Ngân hàng C cấp tín dụng cho bà M số tiền là 50 triệu đồng, nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 01 người, thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 12/5/2027, lãi suất cho vay là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn là 10,296%/năm. Toàn bộ số tiền vay đã được Ngân hàng C2 giải ngân cho bên vay vào ngày 12/5/2022 theo phụ lục hợp đồng tín dụng.

[4] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đề ngày 01/3/2023, bà Huỳnh Thị Trúc M đề nghị Ngân hàng C vay số tiền là 20 triệu đồng, để thực hiện sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/3/2028. Đề nghị này của bà M được Ngân hàng C phê duyệt vào ngày 07/3/2023, lãi suất cho vay là 09%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, số tiền nợ gốc phải trả từng kỳ là 02 triệu đồng, tiền lãi phải được trả định kỳ vào ngày 12 hàng tháng. Toàn bộ số tiền vay này đã được Ngân hàng C giải ngân vào ngày 12/3/2023 theo tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ.

[5] Việc cấp tín dụng, thỏa thuận về lãi suất, phương pháp tính lãi đối với 02 khoản vay nêu trên do Ngân hàng C thực hiện là phù hợp với quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng C, được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg, ngày 22/01/2003, của Thủ tướng Chính phủ. Ngân hàng C xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận, đồng thời xác định dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 64 triệu đồng, dư nợ lãi là 6.861.815 đồng. Ngân hàng C cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh toàn bộ số tiền vay đã được giải ngân cho bên vay, trong khi đó, bà M và ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa

nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy dư nợ gốc và lãi đối với hai khoản vay được xác lập theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay nước sạch và nhà vệ sinh môi trường nông thôn đề ngày 07/3/2022, và Hợp đồng tín dụng số 6600000723072586/2022/HĐ-TD, theo xác định của Ngân hàng C là có căn cứ.

[6] Theo quy định tại Điều 1 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng C, được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg, ngày 22/01/2003, của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng C hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay xác định mục đích vay là nhằm sửa chữa nhà vệ sinh, công trình nước sạch, theo kết quả xác minh tại Biên bản lập ngày 10/11/2025, bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2015. Tại giấy ủy quyền đề ngày 01/3/2023, ông Lê Tuấn H ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Trúc M đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C, việc ủy quyền có sự chứng kiến của Trưởng thôn và xác nhận của UBND xã T (cũ). Khoản 2 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng”*; khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật Hôn nhân và gia đình”*; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*; khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”*. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ông H mặc dù không trực tiếp tham gia giao kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng C nhưng mục đích vay là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, việc xác lập hợp đồng tín dụng là nằm trong phạm vi đại diện tại giấy ủy quyền. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc

buộc ông H, bà M phải trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận là có căn cứ.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xử lý tạm ứng án phí để giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 7 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng C, được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg, ngày 22/01/2003, của Thủ tướng Chính phủ;

- Điều 3, Điều 24, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Buộc bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H phải trả cho Ngân hàng C số tiền tính đến ngày 17/12/2025 là 70.861.815 đồng, trong đó nợ gốc là 64.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.861.815 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Trúc M và ông Lê Tuấn H phải chịu 3.543.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Phú